

BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI

★ PGS, TS PHAN TRỌNG HÀO

Hội đồng Lý luận Trung ương

● **Tóm tắt:** Bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 02-9-1945 là dấu mốc lịch sử vĩ đại trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Văn kiện không chỉ khẳng định quyền tự do, quyền sống và quyền tự quyết của dân tộc sau hơn 80 năm bị thực dân đô hộ và hàng nghìn năm phong kiến, mà còn đặt nền tảng pháp lý cho sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuyên ngôn Độc lập thể hiện bản lĩnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời góp phần nâng cao và bảo vệ các giá trị nhân quyền và dân quyền. Tinh thần độc lập, tự cường và công bằng xã hội trong Tuyên ngôn tiếp tục là kim chỉ nam cho công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng hiện nay.

● **Từ khóa:** Tuyên ngôn Độc lập năm 1945; độc lập dân tộc; nhân quyền; nhà nước pháp quyền.

1. Mở đầu

Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng công bố tại Quảng trường Ba Đình ngày 02-9-1945 không chỉ đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn là một văn kiện có tầm vóc lịch sử, pháp lý và tư tưởng to lớn. Tuyên ngôn là lời tuyên bố đanh thép của dân tộc Việt Nam trước toàn thế giới về sự chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của thực dân, phong kiến và phát xít; mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Không dừng lại ở đó, Tuyên ngôn Độc lập còn chứa đựng những ý nghĩa lịch sử sâu sắc và giá trị thời đại bền vững, trở thành kim chỉ nam cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử ra đời bản Tuyên ngôn Độc lập

Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 (sau đây gọi tắt là Tuyên ngôn) ra đời trong bối cảnh lịch sử đầy biến động cả quốc tế và trong nước. Trên phạm vi toàn cầu, Chiến tranh thế giới thứ hai đang đi đến hồi kết với thắng lợi nghiêng về phe Đồng minh, chủ nghĩa phát xít lần lượt bị đánh bại tại nhiều mặt trận. Cùng với đó là sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa trên khắp các châu lục. Tư tưởng về quyền con người và quyền dân tộc tự quyết được khẳng định và lan tỏa rộng rãi, tạo nền tảng tư tưởng và pháp lý cho nhiều cuộc đấu tranh giành độc lập trên thế giới.

Ở Việt Nam, hơn 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ và gần 5 năm dưới sự áp bức của phát xít Nhật, nhân dân ta phải sống trong cảnh cùng cực, đói nghèo, lầm than. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với chế độ thực dân, phong kiến

và phát xít đã phát triển đến đỉnh điểm. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh, cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng, quét sạch mọi áp bức, giành lại chính quyền về tay nhân dân.

Trong thời khắc quyết định đó, đòi hỏi khách quan và cấp bách của cách mạng là phải có một văn kiện chính trị và pháp lý tuyên bố với nhân dân trong nước và cộng đồng quốc tế về quyền độc lập, tự do và chủ quyền quốc gia của dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, ngày 02-9-1945, trước sự chứng kiến của hàng chục vạn đồng bào tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2.2. Ý nghĩa lịch sử của bản Tuyên ngôn Độc lập

Bản Tuyên ngôn có ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu một cột mốc vĩ đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Thứ nhất, tuyên bố về chủ quyền quốc gia và quyền dân tộc tự quyết

Bản Tuyên ngôn là văn kiện pháp lý tuyên bố sự ra đời của một nhà nước mới, đồng thời là tiếng nói mạnh mẽ khẳng định quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc thiêng liêng của một dân tộc từng bị áp bức. Bằng việc khéo léo trích dẫn những câu bất hủ trong Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng tầm những giá trị phổ quát về quyền con người lên thành quyền của các dân tộc. Người đưa ra lập luận đanh thép: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽¹⁾, đây là một sự phát triển sáng tạo và mang tính cách mạng. Nó không chỉ là tuyên bố cho dân tộc

Việt Nam mà còn đặt nền móng vững chắc, cổ vũ mạnh mẽ cho cuộc đấu tranh giành độc lập của mọi dân tộc bị áp bức trên thế giới. Từ đó, Tuyên ngôn khẳng định mạnh mẽ: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”⁽²⁾. Đây không chỉ là tuyên ngôn chính trị mà còn là một chân lý không thể chối cãi, là tiếng nói kiên cường, đanh thép về ý chí tự chủ, tự lực, tự cường của một dân tộc đã vùng lên giành lấy quyền sống thiêng liêng của mình sau hàng thế kỷ nô lệ.

Bản Tuyên ngôn còn tố cáo đanh thép về những tội ác mà chế độ thực dân Pháp đã gây ra cho dân tộc Việt Nam trong suốt thời kỳ đô hộ. Từ bóc lột kinh tế đến đàn áp chính trị, từ chia rẽ dân tộc đến tiếp tay cho phát xít Nhật, chính quyền thực dân đã làm tổn hại nghiêm trọng đến đời sống, danh dự và quyền lợi của nhân dân Việt Nam. Việc nêu rõ những tội ác này trong Tuyên ngôn không chỉ để vạch trần bản chất tàn bạo của thực dân Pháp, mà còn là cơ sở khẳng định tính chính nghĩa, hợp pháp và hợp đạo lý của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Một luận điểm quan trọng khác trong bản Tuyên ngôn là lời khẳng định: nhân dân Việt Nam đã tự mình làm nên cách mạng, đã nổi dậy giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, chứ không phải từ tay thực dân Pháp. Do đó, mọi yêu sách của Pháp về “trở lại Đông Dương” đều là vô lý và không có giá trị pháp lý. Tuyên ngôn đã thể hiện rõ quan điểm dứt khoát của Chính phủ lâm thời lúc đó: “thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp”⁽³⁾. Đây là một tuyên bố mạnh mẽ, thể hiện tinh thần kiên quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia, đồng thời gửi thông điệp tới các cường quốc rằng Việt Nam không chấp nhận tái diễn bất kỳ hình thức áp đặt nào từ bên ngoài.

Thứ hai, chấm dứt vĩnh viễn ách đô hộ thực dân và chế độ phong kiến

Tuyên ngôn là lời tuyên bố chấm dứt hoàn toàn chế độ thực dân và chế độ phong kiến tại Việt Nam. Việc xóa bỏ ách đô hộ thực dân là một thành quả lịch sử vĩ đại. Hơn 80 năm dưới sự thống trị của thực dân Pháp, Việt Nam không chỉ bị bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị, mà còn bị nô dịch về tư tưởng và văn hóa. Bằng các chính sách khai thác thuộc địa, đàn áp phong trào yêu nước, chia để trị và tạo ra tầng lớp tay sai, thực dân Pháp đã biến Việt Nam thành một thuộc địa, mất hoàn toàn quyền độc lập, tự chủ. Đặc biệt, sự cấu kết giữa thực dân Pháp và phát xít Nhật trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai đã đẩy nhân dân Việt Nam vào cảnh đói khổ, chết chóc và lầm than chưa từng có.

Bản Tuyên ngôn đã vạch rõ tội ác của thực dân Pháp và chính thức tuyên bố “xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”⁽⁴⁾. Điều này có ý nghĩa không chỉ về mặt chính trị và pháp lý, mà còn thể hiện ý chí và sức mạnh của cả một dân tộc bị áp bức, không chịu khuất phục, đã tự vùng lên giành lại quyền sống và quyền làm chủ đất nước. Với tuyên bố ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định trước toàn thế giới rằng Việt Nam là một quốc gia độc lập, không còn bất kỳ mối liên hệ nào với chế độ thực dân cũ.

Mặt khác, bản Tuyên ngôn đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến, một thiết chế xã hội đã từng đóng vai trò trong lịch sử, nhưng đến thế kỷ XX đã trở nên lỗi thời và kìm hãm sự phát triển của dân tộc. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đó cũng là lúc chấm dứt địa vị chính trị của các dòng họ phong kiến, thay

thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng một nhà nước cách mạng do nhân dân làm chủ. Đó là sự chuyển mình mạnh mẽ của lịch sử, khi người dân, từ chỗ bị trị, nô lệ, đã trở thành “công dân” của một quốc gia độc lập, dân chủ. Đây là sự thay đổi tận gốc về vai trò, địa vị và ý thức chính trị của mỗi con người trong xã hội.

Bản Tuyên ngôn còn là lời khẳng định cho một cuộc cách mạng xã hội sâu sắc: một đất nước không còn vua chúa, không còn thực dân, mà được đặt trên nền tảng của quyền con người, quyền dân tộc và quyền làm chủ tập thể. Cùng với việc xóa bỏ chế độ phong kiến, thực dân áp bức, bản Tuyên ngôn đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Tuyên ngôn đã đánh dấu sự kết thúc của một giai đoạn lịch sử đen tối kéo dài hàng trăm năm, đồng thời mở ra cánh cửa để nhân dân Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới mà trong đó người dân không còn là công cụ phục vụ cho lợi ích của kẻ thống trị, mà trở thành chủ thể quyết định tương lai của đất nước. Đây chính là ý nghĩa nhân văn sâu sắc và lâu dài của bản Tuyên ngôn, không chỉ giải phóng một quốc gia về mặt lãnh thổ, mà còn giải phóng toàn diện con người về thân phận, tư tưởng và quyền làm chủ.

Thứ ba, đặt cơ sở pháp lý cho sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Bản Tuyên ngôn đã thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc định hướng một mô hình nhà nước hợp pháp, chính danh, dân chủ, gắn liền với quyền lợi thiết thực của toàn thể nhân dân.

Về mặt chính trị - pháp lý, Tuyên ngôn có giá trị như một *tuyên bố lập quốc*, là văn kiện đầu tiên xác định rõ chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và quyền

tự quyết của dân tộc Việt Nam. Việc tuyên bố tách hoàn toàn khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp và chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ chuyên chế, đồng thời công bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chính là việc xác lập địa vị pháp lý và tư cách quốc tế của một nhà nước mới, do nhân dân làm chủ. Từ đây, Việt Nam đã chính thức có tên trên bản đồ chính trị thế giới với tư cách một quốc gia độc lập, có chủ quyền, và điều này là cơ sở để tham gia vào các quan hệ đối ngoại một cách bình đẳng.

Bản Tuyên ngôn là nền tảng tư tưởng và cơ sở pháp lý để xây dựng Hiến pháp đầu tiên năm 1946, đồng thời mở đường cho việc thiết lập hệ thống pháp luật và thể chế nhà nước sau cách mạng. Nội dung Tuyên ngôn đã hàm chứa những nguyên lý căn bản về mô hình nhà nước pháp quyền: nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đây là một bước chuyển biến lớn so với các nhà nước phong kiến trước đó, khi quyền lực tập trung trong tay một nhóm thiểu số vua quan, còn người dân hoàn toàn bị gạt ra ngoài đời sống chính trị. Từ đây, một trật tự xã hội mới được hình thành: *nhân dân trở thành chủ thể của quyền lực, là nền tảng của toàn bộ thiết chế quyền lực nhà nước.*

Tuyên ngôn thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật và tôn trọng các quyền cơ bản của con người: “Tất cả các dân tộc đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ tuyên bố quyền của dân tộc Việt Nam, mà còn khẳng định nền móng cho các quyền công dân mà nhà nước mới sẽ bảo đảm. Các quyền như tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, quyền tham gia quản lý nhà nước, quyền bình đẳng trước pháp luật... đều được thể hiện trong bản Hiến pháp năm 1946.

Bên cạnh việc xác lập thể chế trong nước, bản Tuyên ngôn còn mở ra tiền đề quan trọng cho việc *xây dựng một nhà nước pháp quyền hiện đại, hội nhập với xu thế tiến bộ của nhân loại.* Bằng cách trích dẫn và kế thừa các giá trị của Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho thấy một tầm nhìn sâu rộng: xây dựng một quốc gia không chỉ độc lập về lãnh thổ mà còn dân chủ, văn minh, gắn bó với các giá trị phổ quát. Điều đó đặt nền móng cho đường lối đối ngoại hòa bình, hợp tác và hội nhập sau này.

Ngoài ra, với việc nhấn mạnh quyền làm chủ của nhân dân, bản Tuyên ngôn đã đặt ra một tiêu chuẩn chính trị mới cho nhà nước: mọi hoạt động của bộ máy công quyền đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, phục vụ nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Từ đây, các thiết chế dân chủ như Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận, hệ thống bầu cử phổ thông... đã được hình thành, bảo đảm tính chính danh và minh bạch của quyền lực nhà nước.

2.3. Giá trị thời đại của bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945

Bản Tuyên ngôn không chỉ là văn kiện lịch sử, mà còn là di sản tinh thần mang tính thời đại sâu sắc, vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay.

Thứ nhất, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

Bản Tuyên ngôn không chỉ là văn kiện có ý nghĩa to lớn đối với dân tộc Việt Nam, mà còn mang giá trị quốc tế sâu sắc. Với tư cách là tiếng nói tiên phong của một dân tộc thuộc địa dám đứng lên khẳng định quyền tự chủ, Tuyên ngôn của Việt Nam đã trở thành nguồn cảm hứng, biểu tượng và là động lực mạnh mẽ thúc đẩy làn sóng giải phóng dân tộc lan rộng khắp

các châu lục, đặc biệt là ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh trong nửa sau thế kỷ XX.

Trong bối cảnh lịch sử năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc, nhiều quốc gia châu Á và châu Phi vẫn còn dưới ách thống trị của các đế quốc thực dân. Khát vọng độc lập, tự do đã âm ỉ từ lâu nhưng chưa đủ điều kiện để bùng nổ thành những cuộc cách mạng mạnh mẽ. Chính vào thời điểm đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã củng cố niềm tin: *một dân tộc nhỏ bé, bị áp bức, nếu có khát vọng mãnh liệt, có sự đoàn kết và đường lối đúng đắn, hoàn toàn có thể giành lại quyền làm chủ vận mệnh của mình.* Thông điệp này nhanh chóng lan rộng, trở thành nguồn cảm hứng và động lực cho phong trào đấu tranh vì độc lập ở các nước thuộc địa.

Tuyên ngôn mang thông điệp sâu sắc về *quyền dân tộc tự quyết*, một trong những nguyên lý cốt lõi của trật tự thế giới mới sau chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam vào trong bối cảnh rộng lớn hơn của nhân loại, khi nhấn mạnh những giá trị phổ quát và thiêng liêng như tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Câu nói: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng...” không chỉ là tuyên bố trước quốc dân đồng bào, mà còn là tiếng vọng vang xa, khích lệ hàng triệu con người đang sống dưới ách thực dân, mong mỏi tự do. Lời khẳng định ấy đã vượt qua ranh giới lãnh thổ, chạm tới lương tri của những ai khao khát quyền sống và phẩm giá con người.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam và bản Tuyên ngôn trở thành một minh chứng sống động rằng chủ nghĩa thực dân là một trật tự lỗi thời, không thể tiếp tục tồn tại. Nó cũng làm lộ rõ sự phi lý và đạo đức giả của những quốc gia

lớn vốn rao giảng về “tự do, dân chủ” nhưng lại đi áp bức các dân tộc khác. Sự thành công của Việt Nam là một đòn giáng mạnh vào hệ thống thuộc địa toàn cầu, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc đang bị nô dịch vùng lên đấu tranh.

Tuyên ngôn không chỉ góp phần định hình lý tưởng cho phong trào giải phóng dân tộc, mà còn *nêu một tấm gương cụ thể và thực tiễn*: một dân tộc không trông chờ sự “trao trả độc lập” từ bên ngoài, mà tự mình hành động, tổ chức lực lượng cách mạng, lật đổ mọi thế lực thống trị để lập nên nhà nước của chính nhân dân. Đây chính là điểm tạo nên sức hấp dẫn và ảnh hưởng lan tỏa đặc biệt của cách mạng Việt Nam và bản Tuyên ngôn.

Từ sau năm 1945, phong trào giải phóng dân tộc nhanh chóng phát triển mạnh mẽ ở nhiều khu vực: Lào (10-1945), Ấn Độ (năm 1947), Miến Điện - nay là Myanmar (năm 1948), Campuchia (năm 1953), Ghana (năm 1957), Algeria (năm 1962)... Trong nhiều diễn đàn quốc tế sau này, các nhà lãnh đạo cách mạng như Kwame Nkrumah (Ghana), Ahmed Ben Bella (Algeria), Fidel Castro (Cuba) đều nhắc đến Việt Nam như một ngọn cờ đầu trong công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và đế quốc.

Tuyên ngôn truyền thông điệp về tư thế và phẩm giá của các dân tộc thuộc địa: *rằng họ không thấp kém, không phụ thuộc, mà hoàn toàn có quyền bình đẳng và tiếng nói trên trường quốc tế.* Đây là yếu tố quan trọng góp phần hình thành khối đoàn kết giữa các nước Á - Phi - Mỹ Latinh trong các hội nghị lớn như Hội nghị Bandung (năm 1955), nơi tinh thần đoàn kết, độc lập và chống chủ nghĩa đế quốc được đề cao.

Tuyên ngôn còn cho thấy một nguyên tắc quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện đại: *một*

quốc gia - dù nhỏ hay lớn - đều có quyền bình đẳng trong hệ thống toàn cầu. Đây là tiền đề để sau này Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế, khẳng định vị thế trong các phong trào không liên kết, đấu tranh vì hòa bình và công lý toàn cầu. Việt Nam từ chỗ là nạn nhân của chủ nghĩa thực dân, đã trở thành một hình mẫu và một điểm tựa tinh thần cho nhiều dân tộc khác trên con đường giành tự do.

Thứ hai, là bài học quý giá cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Những bài học sâu sắc được rút ra từ tinh thần của bản Tuyên ngôn vẫn giữ nguyên tính thời sự, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang hội nhập toàn diện, sâu rộng, đối mặt với cả cơ hội lẫn thách thức.

Trước hết, tinh thần tự lực, tự cường, một trong những giá trị cốt lõi của Tuyên ngôn, tiếp tục là động lực quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước. Năm 1945, khi dân tộc Việt Nam vừa thoát khỏi ách thống trị kéo dài của thực dân và phong kiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng toàn thể nhân dân không dựa vào bất kỳ thế lực bên ngoài nào, mà tự mình đứng lên giành độc lập, thành lập nhà nước dân chủ, tự chủ. Bài học đó ngày nay vẫn còn nguyên giá trị khi Việt Nam kiên trì mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nhưng không tách rời khỏi xu thế hội nhập quốc tế. Như Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, bằng sự khơi dậy ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, bằng việc huy động sức mạnh toàn dân kết hợp với sức mạnh thời đại, Đảng ta đã đưa dân tộc ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, tạo nên những kỳ tích trong Cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa độc lập, tự do, hạnh phúc”⁽⁵⁾.

Tinh thần tự lực, tự cường trong thời đại mới không đồng nghĩa với khép kín hay biệt lập, mà là phát huy nội lực, chủ động sáng tạo để hội nhập bình đẳng, giữ vững quyền tự quyết trong mọi vấn đề quan trọng của quốc gia. Bài học này giúp Việt Nam tăng cường sức đề kháng trước những thách thức toàn cầu như khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu, cạnh tranh địa chiến lược hay các thách thức an ninh phi truyền thống.

Bên cạnh đó, bài học về *đại đoàn kết toàn dân tộc*, được thể hiện xuyên suốt trong thực tiễn cách mạng và trong Tuyên ngôn, tiếp tục là nền tảng vững chắc của *phát triển nhanh và bền vững*. Chính tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, vượt lên mọi khác biệt về giai cấp, tôn giáo và thành phần xã hội đã làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ngày nay, khi xã hội Việt Nam đang vận động trong môi trường đa dạng, có nhiều lợi ích khác nhau, bài học đại đoàn kết toàn dân tộc lại càng quan trọng. Nó là yếu tố bảo đảm sự đồng thuận xã hội, nền tảng cho ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội lâu dài.

Ý chí bảo vệ độc lập, chủ quyền, một nội dung xuyên suốt trong bản Tuyên ngôn, vẫn là nguyên tắc bất di bất dịch trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay. Với Tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khép lại thời kỳ thực dân áp bức và bác bỏ mọi tham vọng thống trị của Pháp, thể hiện khí phách kiên cường và bản lĩnh chính trị của một dân tộc yêu tự do. Trong bối cảnh khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, tinh thần bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ càng trở nên cấp thiết. Tuyên ngôn chỉ ra rằng, chỉ có một quốc gia độc lập thật sự mới có thể phát triển bền vững, và chỉ có tinh thần kiên định mới giúp dân tộc giữ vững chủ quyền trước mọi thách thức từ bên ngoài.

Tuyên ngôn cũng khẳng định niềm tin sâu sắc vào sức mạnh của nhân dân - lực lượng làm nên lịch sử và đồng thời là chủ thể, trung tâm của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính nhân dân đã đứng lên lật đổ ách áp bức trong Cách mạng Tháng Tám và gánh vác trọng trách bảo vệ, kiến thiết đất nước sau ngày độc lập. Bài học này nhắc nhở chúng ta rằng, mọi chính sách phát triển, cải cách hay hội nhập chỉ có thể thành công khi đặt con người, đặt nhân dân vào vị trí trung tâm và “lấy hạnh phúc, sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu”⁽⁶⁾.

Tuyên ngôn để lại bài học quý báu về đường lối đối ngoại. Trong hoàn cảnh quốc tế phức tạp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn con đường độc lập, tự chủ, hòa bình và hợp tác, không liên minh với bất kỳ thế lực nào. Tư tưởng này ngày nay tiếp tục được kế thừa và phát triển thành nguyên tắc đối ngoại: Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tham gia chủ động, có trách nhiệm vào công việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế⁽⁷⁾.

Đó là nền tảng cho đường lối đối ngoại đa phương, linh hoạt, độc lập, góp phần nâng cao vị thế quốc gia và bảo vệ các lợi ích chiến lược của đất nước.

Thứ ba, khẳng định bản lĩnh, vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế

Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 là tuyên bố chính trị và pháp lý đầu tiên khẳng định tư cách chủ thể độc lập, bình đẳng của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh trật tự thế giới có nhiều biến động, sự xuất hiện của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chỉ đánh dấu bước ngoặt lịch sử đối với khu vực Đông Nam Á, mà còn là thông điệp mạnh mẽ gửi đến cộng đồng thế giới về khát vọng độc lập, tự do và quyền bình đẳng dân tộc.

Tuyên ngôn đã đặt nền móng cho đường lối đối ngoại nhất quán, độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới các cường quốc, khẳng định Việt Nam mong muốn trở thành một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Tuyên ngôn vừa bác bỏ chủ nghĩa thực dân Pháp, vừa thể hiện lập trường phản đối mọi sự can thiệp từ bên ngoài - một tuyên bố đậm nét bản lĩnh của một quốc gia độc lập, có chủ quyền và định hướng rõ ràng.

Kế thừa và phát huy tinh thần đó, Việt Nam đã từng bước khẳng định vị thế trong khu vực và quốc tế bằng cách xây dựng hình ảnh một quốc gia hòa bình, đáng tin cậy, tôn trọng luật pháp quốc tế và luôn hướng tới sự ổn định, hợp tác cùng phát triển. Việt Nam là thành viên có uy tín và tích cực của nhiều tổ chức quốc tế như ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, WTO... và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA và đăng cai nhiều hội nghị quốc tế tầm cỡ như APEC 2017, WEF ASEAN 2018.

Bản lĩnh của Việt Nam còn thể hiện ở khả năng giữ vững nguyên tắc đối ngoại trong bối cảnh thế giới biến động khó lường. Dù trước tác động của cạnh tranh địa chính trị, Việt Nam vẫn nhất quán đường lối “độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại”, không lệ thuộc vào bất kỳ quốc gia hay khối nào, đồng thời phát huy vai trò trung gian, cầu nối trong các vấn đề khu vực. Đây chính là sự tiếp nối tinh thần của Tuyên ngôn, nơi mà quyền dân tộc và lợi ích quốc gia được đặt lên hàng đầu nhưng vẫn trong tư thế sẵn sàng hợp tác và hội nhập.

Bên cạnh vai trò chính trị - ngoại giao, Việt Nam đang thể hiện rõ bản lĩnh trong tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, chuyển đổi năng lượng, hòa bình và phát triển bền vững. Việc Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, hay tích cực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc cho thấy tầm nhìn chiến lược và trách nhiệm quốc tế ngày càng sâu sắc - một sự trưởng thành từ nền tảng tư tưởng mà Tuyên ngôn đã khơi nguồn.

Đặc biệt, nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi, được thể hiện rõ trong Tuyên ngôn, đến nay vẫn là phương châm chỉ đạo toàn bộ đường lối đối ngoại của Việt Nam. Tinh thần này được thể hiện nhất quán qua các hoạt động như: đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA), xử lý khéo léo các xung đột tiềm tàng trên Biển Đông, đóng góp tiếng nói có trách nhiệm trong các diễn đàn đa phương. Mỗi bước đi trong chính sách đối ngoại đều thể hiện một Việt Nam bản lĩnh, mềm dẻo nhưng kiên định; hòa nhã nhưng không thỏa hiệp về lợi ích cốt lõi.

Thứ tư, góp phần nâng cao và bảo vệ các giá trị nhân quyền và dân quyền

Bản Tuyên ngôn là tuyên bố chính trị khẳng định sự ra đời của một quốc gia độc lập, có chủ quyền, đồng thời là bản tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền, mang đậm tư tưởng nhân văn và các giá trị phổ quát tiến bộ của thời đại. Khi trích dẫn những tư tưởng cốt lõi trong các tuyên ngôn nổi tiếng của Mỹ (năm 1776) và Pháp (năm 1789), Chủ tịch Hồ Chí Minh không đơn thuần mượn lời của các cuộc cách mạng tư sản mà vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam để làm cơ sở pháp lý và đạo lý cho yêu sách độc lập của dân tộc, đồng

thời nâng tầm tư tưởng từ quyền cá nhân sang quyền của cả một dân tộc.

Ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽⁸⁾. Đây là một sự chuyển hóa đầy sáng tạo, trong đó các giá trị phổ quát của nhân quyền được Việt hóa để phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của một đất nước thuộc địa đang khao khát giành lại chủ quyền. Bản Tuyên ngôn không chỉ là lời tuyên bố độc lập, mà còn là cam kết của chính quyền cách mạng đối với nhân dân Việt Nam và cộng đồng quốc tế về việc xây dựng một chế độ xã hội mới tôn trọng, bảo vệ và phát huy các quyền cơ bản của con người.

Tư tưởng nhân quyền trong Tuyên ngôn là nền tảng cho việc thiết lập một xã hội mới, nơi nhân dân - không phải tầng lớp thống trị - được đặt vào vị trí trung tâm của mọi thiết chế. Sau năm 1945, tư tưởng này được cụ thể hóa trong Hiến pháp 1946, với nhiều điều khoản bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, quyền bầu cử, quyền học tập và làm việc, quyền bình đẳng giữa nam và nữ... Đây là minh chứng cho thấy Việt Nam tiếp cận và thực hành nhân quyền từ rất sớm, phù hợp với điều kiện lịch sử và văn hóa dân tộc.

Ngày nay, những giá trị về quyền con người và quyền công dân được nêu trong Tuyên ngôn vẫn tiếp tục định hướng cho tiến trình cải cách thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Việt Nam. Việc ban hành và sửa đổi Hiến pháp năm 2013, trong đó khẳng định rõ ràng các quyền con người là “thiêng liêng, bất khả xâm phạm”, là bước tiến quan trọng thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ của Nhà nước ta trong việc tôn trọng, bảo vệ và nâng cao các quyền cơ bản của công

dân. Hệ thống pháp luật ngày càng được mở rộng và hoàn thiện với các bộ luật cụ thể về quyền dân sự, quyền tiếp cận thông tin, quyền bình đẳng giới, quyền trẻ em, quyền người khuyết tật, v.v...

Bên cạnh đó, tinh thần của Tuyên ngôn cũng được thể hiện trong các nỗ lực không ngừng nhằm bảo đảm công bằng xã hội, thu hẹp bất bình đẳng, xóa đói giảm nghèo và nâng cao chất lượng sống cho mọi tầng lớp nhân dân. Những chương trình phát triển bền vững, cải cách giáo dục, chăm sóc y tế toàn dân, hay thúc đẩy chuyển đổi số đều nhằm mục tiêu tạo ra cơ hội công bằng và điều kiện phát triển cho mọi công dân - không phân biệt nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội hay điều kiện kinh tế.

Trên bình diện quốc tế, Việt Nam ngày càng thể hiện vai trò là một quốc gia có trách nhiệm trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Việt Nam là thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc và tham gia ký kết nhiều công ước quốc tế quan trọng như: Công ước về quyền trẻ em, Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước về quyền của người khuyết tật... Những hành động này cho thấy, Việt Nam không chỉ tiếp thu tinh thần nhân quyền từ Tuyên ngôn Độc lập, mà còn tích cực hiện thực hóa và lan tỏa những giá trị đó trong bối cảnh toàn cầu.

3. Kết luận

Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 không chỉ là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc, tuyên bố chấm dứt hơn 80 năm thống trị của thực dân và khép lại chế độ phong kiến đã tồn tại suốt hàng nghìn năm, mà còn mở ra một kỷ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Với nội dung sắc bén, Tuyên ngôn đã xác lập quyền bình đẳng và quyền tự quyết thiêng liêng của cả

dân tộc, đồng thời đặt nền móng cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và quá trình xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ, hiện đại đầu tiên trong lịch sử nước ta.

Bản Tuyên ngôn còn là tuyên bố kiên định về chủ quyền quốc gia và bản lĩnh dân tộc trên trường quốc tế, đồng thời trở thành nền tảng tư tưởng cho việc xây dựng pháp luật, bảo vệ quyền con người và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong bối cảnh thế giới và khu vực đầy biến động, giá trị thời đại của Tuyên ngôn vẫn còn nguyên vẹn, thậm chí ngày càng được khẳng định rõ nét. Tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết dân tộc và cam kết bảo vệ quyền con người tiếp tục là kim chỉ nam định hướng mọi quyết sách của Việt Nam trong sự nghiệp phát triển và hội nhập.

Bản Tuyên ngôn là văn kiện pháp lý trọng đại, đồng thời là biểu tượng bất khuất của tinh thần dân tộc. Giá trị trường tồn của bản Tuyên ngôn sẽ tiếp tục là nguồn cảm hứng, là tài sản tinh thần quý báu giúp Việt Nam vững bước cùng niềm tin và trách nhiệm trước nhân dân và cộng đồng quốc tế □

Ngày nhận bài: 20-7-2025, ngày bình duyệt: 14-9-2025, bài duyệt đăng: 24-9-2025.

Email tác giả: phantronghao@gmail.com

(1), (2), (3), (4), (8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1, 3, 3, 3, 1.

(5) Xem: *Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*, <https://moc.gov.vn>, ngày 18-7-2025.

(6), (7) ĐCSVN: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng* (Tài liệu sử dụng tại Đại hội các đảng bộ cấp xã, cấp tỉnh và tương đương), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2025, tr. 49, 46.